

Bản án số: 52/2024/DS-ST

Ngày: 24-10-2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: + Ông Trần Phước T, sinh năm 1989 – Vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Kiều X, sinh năm 1991- Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đức A, xã Thuận A, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Thái Phan Quang H, sinh năm 1997 – Có mặt.

Địa chỉ: Số B, đường Trần Hưng Đ, thị trấn Đắk M, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1993 – Vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Địa chỉ: Thôn Thuận N, xã Thuận A, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 21/3/2024 và lời khai của người đại diện của nguyên đơn trong quá

trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Thái Phan Quang H trình bày:

Trên cơ sở quen biết, vào ngày 05/10/2022, ông T, bà X có cho ông Phạm Thanh L vay số tiền 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) để kinh doanh và hẹn một năm sau sẽ hoàn trả số tiền trên. Ông L có thể chấp cho vợ chồng ông T, bà X 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 099235 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định. Việc vay được hai bên lập thành giấy vay tiền, có chữ ký của ông L lãi suất được các bên thống nhất bằng lời nói là 4,5%/tháng tương đương với số tiền 6.750.000 đồng/tháng. Đến tháng 3/2023, vì ông L vẫn chưa có tiền trả tiền lãi cho ông T, bà X, vì vậy giữa các bên đã thống nhất với nhau và thoả thuận như sau: Chốt lãi đến hết tháng 3/2023 (thời gian vay 5 tháng 26 ngày), tuy nhiên, do ông L trả lãi của 01 tháng nên chỉ tính thời gian vay là 4 tháng 26 ngày với số tiền lãi được tính là 32.850.000 đồng. Sau đó hai bên thống nhất lấy số tiền sau khi chuyển tiền lãi cộng với số tiền vay gốc như sau: 150.000.000 đồng + 30.000.000 đồng = 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) và tính lại lãi bắt đầu từ tháng 4/2023. Ông L còn nợ lại số tiền 2.850.000 đồng. Ông L đã trả lãi được 01 tháng nên coi như số tiền trên ông trả là tiền lãi của tháng 3/2023. Về lãi suất và thời hạn vay được các bên thực hiện như thoả thuận vay ngày 05/10/2023, việc vay mượn được hai bên lập thành giấy vay tiền có chữ ký và điểm chỉ của hai bên, một giấy viết tay về việc thống nhất tổng nợ có chữ ký của ông L và chữ viết tay của ông L về việc đọc và đồng ý các nội dung đã thoả thuận. Đến thời hạn trả nợ như giấy vay tiền, ông T, bà X đã nhiều lần gọi điện, đến tận nhà ông L để yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L trốn tránh không chịu trả, hẹn hết lần này đến lần khác. Đến nay đã quá hạn trả nợ, ông T, bà X liên hệ yêu cầu ông L hoàn trả lại số tiền nợ nêu trên thì ông L lấy lý do để trốn tránh, hẹn ông T, bà X hết lần này đến lần khác. Vì vậy, yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phạm Thanh L phải trả cho ông T, bà X số tiền tạm tính là 196.100.000 đồng (*một trăm chín sáu triệu, một trăm nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 180.000.000 đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*), tiền lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày 05/10/2023 (lãi suất 10%/năm, thời gian: 6 tháng 4 ngày) là 9.200.000 đồng (*chín triệu, hai trăm nghìn đồng*), tiền lãi chậm trả từ ngày 06/10/2023 đến ngày 23/02/2024 (lãi suất chậm trả: 10%/năm, thời gian 04 tháng 18 ngày) là 6.900.000 đồng (*sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*). Ông T, bà X không có yêu cầu gì đối với tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 099235.

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) tiền gốc, lãi trong hạn tính từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/10/2023 mức lãi là 20%/năm là 30.000.000 đồng (*Ba*

mười triệu đồng), tiền lãi quá hạn tính từ ngày 06/10/2023 mức lãi 20%/năm đến ngày xét xử là 31.000.000 đồng, trừ đi số tiền bị đơn đã trả là 6.750.000 đồng (sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Phạm Thanh L: Quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đồng ý hay không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay có yêu cầu phản tố, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thuận An, huyện Đắk Mil nơi ông L có đăng ký hộ khẩu thì được công an xã thông tin ông L có đăng ký hộ khẩu tại địa phương tại thời điểm Tòa án Đắk Mil tiến hành xác minh ông Phạm Thanh L không có mặt tại địa phương, đi đâu không thông báo với địa phương nên địa phương không biết ông L đi đâu. Tòa án đã đăng thông báo về việc giải quyết vụ án để ông L đến Tòa án làm việc theo trình tự thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn ông L vẫn không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và không hòa giải được vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử (HĐXX) đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS). Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng quy định Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn đến ngày xét xử theo mức lãi suất 20%/năm, trừ đi số tiền lãi bị đơn đã trả là 6.750.000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2006 bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú và trú tại Thôn Thuận N, xã Thuận A, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại phiên tòa, sau khi làm rõ nội dung tranh chấp người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử

(HĐXX) giải quyết, buộc ông L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước T, bà Bùi Thị Kiều X số tiền gốc 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) lãi trong hạn tính từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/10/2023 mức lãi là 20%/năm là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), tiền lãi quá hạn tính từ ngày 06/10/2023 mức lãi 20%/năm đến ngày xét xử là 31.000.000 đồng, trừ đi số tiền bị đơn đã trả là 6.750.000 đồng (*sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Vì vậy, HĐXX xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông L không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đồng ý hay không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay có yêu cầu phản tố, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thuận An, huyện Đắk Mil nơi ông L có đăng ký hộ khẩu thì được công an xã Thuận An thông tin ông L có đăng ký hộ khẩu tại địa phương tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành xác minh ông Phạm Thanh L không có mặt tại địa phương, đi đâu không thông báo với địa phương nên địa phương không biết ông L đi đâu. Tòa án đã đăng thông báo về việc giải quyết vụ án, niêm yết công khai các thủ tục tố tụng để ông L đến Tòa án làm việc theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông L vẫn không đến Tòa án làm việc. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 05/10/2022 ông T, bà X có cho ông L vay 150.000.000 đồng có viết giấy vay tiền, đến ngày 27/02/2024 ông T, bà X khởi kiện ông L ra Tòa án để yêu cầu trả tiền vay là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS; Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015(viết tắt BLDS).

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét nhận thấy:

Theo giấy vay tiền ngày 05/10/2022, ông Trần Phước T có cho ông Phạm Thanh L vay số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất các bên thỏa thuận bằng lời nói là 4,5%/tháng (tương đương 6.750.000 đồng/tháng), ông L có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE099235 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định. Đến tháng 3/2023, hai bên chốt lãi thời gian vay là 5 tháng 26 ngày, do ông L trả lãi của 01 tháng nên chỉ tính thời gian vay là 4 tháng 26 ngày, do ông L trả lãi của 01 tháng nên chỉ tính thời gian vay là 4 tháng 26 ngày với số tiền lãi được tính là 32.850.000 đồng. Hai bên thống nhất chuyển lãi cộng vốn vay: 150.000.000 đồng + 30.000.000 đồng = 180.000.000 đồng và tính lãi bắt đầu từ tháng 4/2023. Ông L còn nợ lại số tiền 2.850.000 đồng. Về lãi suất và thời hạn vay được các bên thực hiện như thỏa thuận vay ngày 05/10/2023. Ông T, bà X yêu cầu Tòa án buộc ông L phải trả số tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/4/2023 đến ngày

05/10/2023 (Lãi suất 10%/năm, thời gian 6 tháng 4 ngày) là 9.200.000 đồng. Tiền lãi chậm trả từ ngày 06/10/2023 tạm tính đến ngày 23/02/2024 (lãi suất chậm trả 10%/năm, thời gian 4 tháng 18 ngày) là 6.900.000 đồng. Không có yêu cầu đối với tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 099235.

Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông T, bà X yêu cầu Tòa án buộc Lâm phải trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, HĐXX xét thấy ngày 05/10/2022 ông Phạm Thanh L ký xác nhận trong giấy vay tiền với số tiền 150.000.000 đồng, thời gian vay 01 năm (tức từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/10/2023) nhưng đến tháng 3/2023 hai bên tính toán lại số tiền và ghi lại giấy nợ là *“chốt lãi đến hết tháng 3/2023: 32.850.000 đồng, chuyển lãi cộng vốn vay 150.000.000 + 30.000.000 = 180.000.000 tính bắt đầu từ tháng 4, số lãi còn lại 2.850.000, thanh toán lãi tháng 3 Lâm. Phạm Thanh L tôi đã đọc và đồng ý”* có chữ ký của ông L do quá trình làm việc ông L không đến Tòa án để làm việc nên nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông Phạm Thanh L trên giấy vay nợ và chữ ký mẫu thu thập, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết *“Tôi đã đọc và đồng ý”* tại dòng chữ viết thứ 11 tính từ trên xuống của tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của ông Phạm Thanh L tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2) có phải do cùng một người viết ra hay không? Tại kết luận giám định thể hiện: chữ viết *“tôi đã đọc và đồng ý”* tại dòng chữ viết thứ 11 tính từ trên xuống trên tài liệu giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của ông Phạm Thanh L trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra. Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thanh L tại dòng chữ viết thứ 09,10 tính từ trên xuống trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) và chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thanh L dưới mục: Bên vay trên xuống trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thanh L trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký, viết ra. Do vậy chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là theo *“Giấy vay tiền”* ngày 05/10/2022 và ngày 01/4/2023 có ký nhận của người vay tiền là Phạm Thanh L là hoàn toàn có thật. Như vậy theo giấy chốt lại lãi đến hết tháng 3 thì mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 4,5%/tháng (54%/năm) vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm). Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn tính từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/10/2023 mức lãi suất 20%/năm là 30.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 06/10/2023 với mức lãi 20%/ năm đến ngày xét xử sơ thẩm là 31.000.000 đồng, trừ đi số tiền bị đơn đã trả là 6.750.000 đồng. Tổng cộng là 204.250.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận. HĐXX xét thấy nội dung giấy vay tiền thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy,

việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn là có thật. Việc vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc nào, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS) quy định *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*. Đến hạn trả nợ bị đơn không trả cho nguyên đơn khoản tiền nào cả gốc và lãi nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo khoản 1 Điều 351 của BLDS *“1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định pháp luật bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đến ngày xét xử theo mức lãi suất 20%/năm, trừ đi số tiền lãi bị đơn đã trả là 6.750.000 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, bà X buộc Lâm phải trả cho ông T, bà X số tiền gốc 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*), nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn từ ngày 05/10/2022 đến ngày 05/10/2023 mức lãi suất 20%/năm với số tiền lãi là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), lãi quá hạn tính từ ngày 05/10/2023 với mức lãi 20% với số tiền 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng*), trừ đi số tiền bị đơn đã trả là 6.750.000 đồng (*sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Tổng cộng là 204.250.000 đồng (*hai trăm linh bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 099235 mà ông Phạm Thanh L đưa cho ông T, bà X làm tin ghi trong giấy vay tiền ngày 05/10/2022, ông T, bà X không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[8] Về chi phí tố tụng:

Thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) ông Trần Phước T, bà Bùi Thị Kiều X phải chịu theo khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Thủ tục chịu chi phí giám định: Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông T, bà X là có căn cứ nên bị đơn ông Phạm Thanh L phải chịu 10.600.000 đồng (*mười triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền chi phí giám định theo khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng Dân sự, ông Tài bà Xuân đã nộp tạm

ứng số tiền trên nên ông L phải trả lại số tiền 10.600.000 đồng (*mười triệu sáu trăm nghìn đồng*) cho ông T, bà X.

[9] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Thanh L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là: 204.250.000 đồng x 5% = 10.212.500 đồng (*Mười triệu, hai trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng*). Hoàn trả lại cho ông Trần Phước T, bà Bùi Thị Kiều X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.902.500 đồng (*Bốn triệu, chín trăm linh hai nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005836 ngày 24/4/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 161; khoản 2 Điều 180; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 280; Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước T, bà Bùi Thị Kiều X.

2. Buộc ông Phạm Thanh L phải trả cho ông Trần Phước T, bà Bùi Thị Kiều X tổng số tiền là 204.250.000 đồng (*hai trăm linh bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó số tiền gốc 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*), lãi trong hạn là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), lãi quá hạn là 31.000.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu đồng*), trừ đi số tiền bị đơn đã trả là 6.750.000 đồng (*sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của BLDS, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí tố tụng: Thủ tục đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 7.500.000 đồng (*bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*) ông Trần Phước T, bà Bùi Thị Kiều X phải chịu theo khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Thủ tục chịu chi phí giám định: Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông T, bà X là có căn cứ nên bị đơn ông Phạm Thanh L phải chịu 10.600.000 đồng (*mười triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền chi phí giám định theo khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng Dân sự, ông Tài bà Xuân đã nộp tạm ứng số tiền trên nên ông L phải trả lại số tiền 10.600.000 đồng (*mười triệu, sáu trăm nghìn đồng*) cho ông T, bà X.

4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Thanh L phải nộp 10.212.500 đồng (*Mười triệu, hai trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Phước T, bà Bùi Thị Kiều X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.902.500 đồng (*Bốn triệu, chín trăm linh hai nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005836 ngày 24/4/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Về hướng dẫn Thi hành án: Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ

